

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/DS-ST

Ngày 27-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Anh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu;
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2020/TLST-DS ngày 11-6-2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2020/QĐXXST-DS ngày 17-12-2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; trụ sở: AAA, đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; người đại diện hợp pháp: Ông TLT, chức vụ: Phó Phòng Khách hàng bán lẻ Ngân hàng A - Chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số BBB, đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 40/UQ/NHA.QNg ngày 12-5-2020); vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1969, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2020, quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

NH A cho ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L vay số tiền 1.370.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số 2674/18/KHBL.QNg ngày 18-10-2018; mục đích bổ sung vốn lưu động để kinh doanh thủy sản; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất cho vay trong hạn 9,3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn được xác định và ghi trên Giấy nhận nợ ngày 18-10-2018 và cố định trong suốt thời gian vay; nợ gốc trả cuối kỳ; nợ lãi trả hàng tháng.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho các khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 5, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH 341312, số vào sổ CH01114 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20-12-2011) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0257/BĐ-KHTN.QNg ngày 31-3-2014; tàu cá số đăng ký QNg-92456-TS và tàu cá số đăng ký QNg-97420-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0258/BĐ-KHTN.QNg ngày 31-3-2014. Việc thế chấp tài sản bảo đảm và thỏa thuận sửa đổi được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay.

Tính đến ngày 27-01-2021, ông H, bà L còn nợ NH A số tiền là 1.627.438.014 đồng, trong đó nợ gốc là 1.370.000.000 đồng, lãi trong hạn là 170.694.493 đồng, lãi quá hạn là 86.743.521 đồng.

Nay NH A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà L trả cho NH A số tiền nợ trên và tiền lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng cho vay từ ngày 28-01-2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp ông H, bà L không trả nợ thì NH A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; tàu cá số đăng ký QNg-92456-TS; tàu cá số đăng ký QNg-97420-

TS để thu hồi nợ cho NH A. Sau khi xử lý tài sản nếu không đủ để trả nợ yêu cầu ông H, bà L tiếp tục trả nợ theo hợp đồng cho vay cho đến khi trả hết nợ cho NH A.

2. Bị đơn ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thái H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, trình tự thụ lý vụ án; xác định quan hệ pháp luật; xác định tư cách đương sự; tổng đạt văn bản tố tụng; thu thập chứng cứ; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời gian gọi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông H, bà L có nghĩa vụ trả cho NH A số tiền tính đến ngày 27-01-2021 là 1.627.438.014 đồng, trong đó nợ gốc là 1.370.000.000 đồng, lãi trong hạn là 170.694.493 đồng, lãi quá hạn là 86.743.521 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo hợp đồng cho vay từ ngày 28-01-2021 cho đến khi trả xong các khoản nợ. Trong trường hợp ông H, bà L không trả nợ thì NH A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; tàu cá số đăng ký QNg-92456-TS; tàu cá số đăng ký QNg-97420-TS để thu hồi nợ cho NH A. Sau khi xử lý tài sản nếu không đủ để trả nợ, ông H, bà L phải tiếp tục trả nợ cho đến khi trả hết nợ cho NH A. Ông H, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tạm ứng án phí cho NH A. Ông H, bà L phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật 2.000.000 đồng, NH A đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên ông H, bà L hoàn trả cho NH A số tiền 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đại diện của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thái H vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ

các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thái H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng trong thời hạn luật định không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của NH A, không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 2674/18/KHBL.QNg ngày 18-10-2018 do NH A cung cấp thể hiện ông H, bà L có vay tiền của NH A với số tiền là 1.370.000.000 đồng; khoản vay được giải ngân cùng ngày 18-10-2018; tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 5, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0257/BĐ-KHTN.QNg ngày 31-3-2014; tàu cá số đăng ký QNg-92456-TS; tàu cá số đăng ký QNg-97420-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0258/BĐ-KHTN.QNg ngày 31-3-2014 để bảo đảm khoản vay; các hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Theo bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ khoản vay do NH A cung cấp cho Tòa án thể hiện trong quá trình vay vốn ông H, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay được ký kết giữa NH A và ông H, bà L nên toàn bộ nợ vay của ông H, bà L đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, việc NH A khởi kiện yêu cầu ông H, bà L trả nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận: Buộc ông H, bà L có nghĩa vụ trả cho NH A số tiền tính đến ngày 27-01-2021 là 1.627.438.014 đồng, trong đó nợ gốc là 1.370.000.000 đồng, lãi trong hạn là 170.694.493 đồng, lãi quá hạn là 86.743.521 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả theo hợp đồng cho vay từ ngày 28-01-2021 cho đến khi trả hết nợ. Trong trường hợp ông H, bà L không trả nợ thì NH A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 05, xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; tàu cá số đăng ký QNg-92456-TS; tàu cá số đăng ký QNg-97420-TS để thu hồi nợ cho NH A. Sau khi xử lý tài sản nếu không đủ để trả nợ yêu cầu ông H, bà L tiếp tục trả nợ theo hợp đồng cho vay cho đến khi trả hết nợ cho NH A.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Ông H, bà L phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; NH A đã tạm ứng chi phí tố tụng 2.000.000 đồng nên ông H, bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho NH A.

[2.5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông H, bà L phải chịu 60.823.140 đồng (36.000.000 đồng + 3% của số tiền 827.438.014 đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho NH A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 318, 320 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 167, 168, 188 của Luật Đất đai; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho NH A số tiền tính đến ngày 27-01-2021 là 1.627.438.014 đồng (một tỷ, sáu trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, không trăm mười bốn đồng), trong đó nợ gốc là 1.370.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bảy mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 170.694.493 đồng (một trăm bảy mươi triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng), lãi quá hạn là 86.743.521 đồng (tám mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi một đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cho vay đã ký kết (Hợp đồng cho vay 2674/18/KHBL.QNg ngày 18-10-2018) kể từ ngày 28-01-2021 cho đến khi ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L trả hết nợ.

2. Trong trường hợp ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L không trả số tiền nêu trên thì NH A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 5, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành BH 341312, sổ vào sổ CH01114 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20-12-2011) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0257/BĐ-KHTN.QNg ngày 31-3-2014; tàu cá số đăng ký QNg-

92456-TS và tàu cá số đăng ký QNg-97420-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0258/BĐ-KHTN.QNg ngày 31-3-2014 để thu hồi nợ cho NH A.

3. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NH A cho đến khi trả nợ xong.

4. Ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); NH A đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho NH A số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

5. Ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị L phải chịu 60.823.140 đồng (sáu mươi triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, một trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho NH A tiền tạm ứng án phí 27.908.749 đồng (hai mươi bảy triệu, chín trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0004504 ngày 09-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh